**Phụ lục I-8**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số …/20.../TT-BKHĐT ngày … tháng … năm 20... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | | Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài | Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài | Giới tính | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài | Địa chỉ thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với CĐ là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với CĐ là tổ chức | Vốn góp[[1]](#footnote-1) | | | | | | | | | Thời hạn góp vốn3 | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài4 | | Ghi chú |
| Tổng số cổ phần | | | Tỷ lệ (*%*) | Loại cổ phần | | | | Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn[[2]](#footnote-2)2 |
| Số lượng | Giá trị | | Phổ thông | | …….. | |
| Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| **1** | | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | | **20** |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  | | | | | | | | | | *……, ngày……tháng……năm……*  **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  (*Ký, ghi họ tên*)[[3]](#footnote-3)5 | | | | | | | | | |

1. Ghi phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (ghi bằng số, loại ngoại tệ), nếu có. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Loại tài sản góp vốn bao gồm:

   - Đồng Việt Nam

   - Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)

   - Vàng

   - Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

   - Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản)

   Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

   3 - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

   - Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời hạn góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

   - Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời hạn góp vốn.

   4 Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức ký trực tiếp và ghi rõ họ tên vào phần này. [↑](#footnote-ref-2)
3. 5 Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-3)